Ngày soạn: 06/11/2022 Ngày dạy: 09/11/2022

Tiết 19

## **LUYỆN TẬP CHUNG.**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học sinh củng cố, nhắc lại:

* Hai trường hợp bằng nhau cạnh – góc – cạnh và góc – cạnh góc của hai tam giác.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:***

* Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
* Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

* Tư duy và lập luận toán học: So sánh, phân tích dữ liệu tìm ra mối liên hệ giữa các đối tượng đã cho và nội dung bài học về trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba, từ đó có thể áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài toán: chứng minh hai tam giác bằng nhau. Lập luận và chứng minh hình học những trường hợp đơn giản.
* Sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

* Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
* Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
* Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,thước thẳng có chia khoảng.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại kiến thức đã học của các bài học trước và có tâm thế vào bài học.

**b) Nội dung:** HS đọc tình huống mở đầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu, trả lười và giải thích được các câu hỏi nhanh.

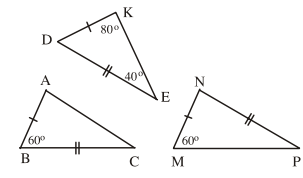
**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của hai tam giác*?

- GV cho HS trả lời các câu hỏi nhanh

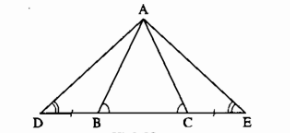
**Câu 1:** Trên hình sau có các tam giác bằng nhau là:



A. B.

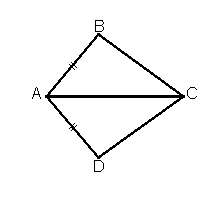
C. D.

**Câu 2:** Cho hình vẽ, chọn câu trả lời đúng

****

A. B.   
C. DC = BE; AB = AC D. Cả đều đúng

**Câu 3:** Chọn câu trả lời đúng. Cho hình vẽ:



Cần phải có thêm yếu tố nào để bằng nhau theo trường hợp cạnh – góc – cạnh:  
A. B.   
C. D. Cả đều đúng

**Câu 4:** Cho tam giác có . Tia phân giác của góc cắt tại . Ta có  
A.   
B.   
C.   
D Cả đều đúng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, suy nghĩ câu trả lời hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học: Luyện tập chung.

**- Trả lời câu hỏi:**

+ Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này bằng hai cạnh và góc xen giữa của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

+ Nếu một cạnh và hai góc kề của tam giác này bằng một cạnh và hai góc kề của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

**Đáp án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| A | D | B | D |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phân tích Ví dụ**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được cách chứng minh hai tam giác bằng nhau sử dụng trường hợp thứ hai và thứ ba.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hình thành được , giải được

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc đề bài Ví dụ, yêu cầu vẽ hình, viết giả thiết kết luận.  *+ Tìm các yếu tố bằng nhau của hai tam giác ABC và ABD.*  *+ Tìm các yếu tố bằng nhau của hai tam giác AMC và AMD.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe.  - HS đọc hiểu Ví dụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày bài vào vở.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV tổng hợp, nhận xét lưu ý các trình bày. | **Ví dụ (SGK – tr74)** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của hai tam giác.

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức để làm Bài 4.16, Bài 4.17, Bài 4.18 (SGK – tr74).

**c) Sản phẩm học tập:** HS chứng minh được hai tam giác bằng nhau từ đó suy ra các yếu tố cạnh và góc tương ứng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS.

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 2 làm các bài: **Bài 4.16, Bài 4.17, Bài 4.18** (SGK – tr74).

- GV có thể gợi ý, hướng dẫn:

- Bài 4.18.

+ a) Hai tam giác đã có những yếu tố nào bằng nhau, chung nhau.

+ b) Hai tam giác đã có những yếu tố nào bằng nhau, chung nhau.

Từ câu a có thể suy ra được yếu tố nào về góc và cạnh của hai tam giác ABC và ABD.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm 2, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Mỗi bài tập GV mời đại diện các nhóm trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

**Kết quả:**

**Bài 4.16.**

(c.g.c) suy ra

,

.

**Bài 4.17.**

(g.c.g) vì ,

suy ra .

**Bài 4.18.**

a) (c.g.c) vì:EC=ED, là cạnh chung.

b) (c.g.c) vì: là cạnh chung.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức về trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của hai tam giác.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập: **Bài 4.19** (SGK -tr74).

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết bài toán chứng minh tam giác bằng nhau.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động hoàn thành bài tập **Bài 4.19** (SGK -tr74).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ làm bài.

- GV điều hành, quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS lên bảng trình bày, các HS chú ý lắng nghe theo dõi và cho nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải.

**Đáp án:**

**Bài 4.19.**

a) (g.c.g) vì: là phân giác của góc

là canh chung, .

b) c.g.c) vì: do ,

do là canh chung.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT
* Chuẩn bị KIỂM TRA GIỮA KỲ I”.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục** | | | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  **Môn: Toán 7 (KNTTVCS)**  **Năm học: 2022 - 2023** | | | | | |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng % điểm** |
| **TNKQ** | | **TL** | **TL** | **TL** |
| **Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ** | Nhận biết số hữu tỉ, số đối của một số hữu tỉ | | Nhận biết thứ tự trong Q |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 2  0,5đ  5% | | 0,5  1đ  10% |  |  | 2,5  1,5đ  15% |
| **Các phép tính với số hữu tỉ** | Biết các quy tắc tính toán trên Q | |  | Thực hiện được các phép tính với lũy thừa |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 1  0,25đ  2,5% | |  | 1đ  10% |  | 0.8  1,25đ  12,5% |
| **Thứ tự thực hiện các phép tính** | Biết thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức | |  | Nắm được quy tắc chuyển vế | Vận dụng các tính chất và quy tắc trong tính toán |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 1  0,25đ  2,5% | |  | 1đ  10% | 0,5  1đ  10% | 1,8  2,25đ  22,5% |
| **Số thập phân vô hạn tuần hòan** | Nhận biết được số thập phân hữu hạn hay vô hạn tuần hoàn | |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 2  0,5đ  5% | |  |  |  | 2  0,5đ  5% |
| **Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc** | Nhận biết mối quan hệ giữa các góc và tia phân giác của góc | |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 2  0,5đ  5% | |  |  |  | 2,5  0,5đ  5% |
| **Hai đường thẳng song song.** |  | | Nhận biết mối quan hệ giữa các góc | Mô ta được dấu hiệu và tính chất của 2 đt song song |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* |  | | 0,5  1đ  10% | 1đ  10% |  | 0,8  2đ  20% |
| **Tiên đề Euclid**  **và định lí** | Nhận biết Tiên đề Euclide và GT\_KL của định lý | |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 2  0,5đ  5% | |  |  |  | 2  0,5 đ  5% |
| **Tổng các góc của tam giác, Tam giác bằng nhau** | Biết cách tính số đo góc trong tam giác và hai tam giác bằng nhau. | |  |  | Chứng minh được các yếu tố bằng nhau dựa vào 2 t.giác bằng nhau |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 2  0,5đ  5% | |  |  | 0,5  1đ  10% | 2,5  1,5đ  15% |
| ***Tổng số câu***  ***Tổng số điểm***  ***Tổng tỉ lệ*** | **12 câu**  **3 đ**  **30%** | | **1 câu**  **2 đ**  **20%** | **1 câu**  **3 đ**  **30%** | **1 câu**  **2 đ**  **20%** | **15 câu**  **10 đ**  **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  **Môn: Toán 7**  **Thời gian làm bài: 60 phút**  **Năm học: 2022 – 2023** |

**I.TRẮC NGHIỆM: (3đ)**

***Em hãy chọn 1 câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi rồi ghi kết quả vào tờ giấy làm bài.***

1. Cho các số sau:  Số nào không phải là số hữu tỉ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Khẳng định nào sau đây **sai**?

**A.** Số đối của  là  **B.** Số đối của  là 

**C.** Số đối của  là  **D.** Số đối của  là 

1. Giá trị của lũy thừa (**–**3)3 =?

**A.** 9 **B.** – 9 **C.** – 27 **D.** 27

1. Phát biểu nào dưới đây là đúng:

**A.** Thực hiện nhân chia trước, cộng trừ sau rồi đến lũy thừa.

**B.** Khi thực hiện các phép tính có dấu ngoặc ưu tiên ngoặc vuông trước.

**C.** Nếu chỉ có phép cộng, trừ thì ta thực hiện cộng trước trừ sau.

**D.** Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau: () → [] → {}.

1. Trong các phân số sau đây, phân số nào viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Chu kỳ của số thập phân vô hạn tuần hoàn 5,30(5) là:
2. 305 **B.** 30 **C.** 5 **D.** 0,305
3. Trong các hình vẽ sau, Hình vẽ nào biểu diễn hai góc đối đỉnh ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

1. Trong định lí: " *Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau."* Ta có **giả thiết** là:

**A.** " Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba ".

**B.** " chúng song song với nhau ".

**C.** " Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau."

**D.** " hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba."

1. Trong tam giác ABC nếu thì số đo góc A là bao nhiêu?

**A.** 70**o** **B.** 180**o** **C.** 40o **D.** 140o

1. Cho ΔMNP = ΔOXY. Chọn đáp án sai

**A.** MP = OY **B.** XY = MN **C.** góc N = góc X **D.** góc Y = góc P

1. Dạng phát biểu khác của  “Tiên đề Euclide” là :

**A.**Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

**B.**Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng có vô số đường thẳng song song với đường thẳng đó.

**C.**Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng có ít nhất một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

**D.**Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng không có đường thẳng nào song song với đường thẳng đó.

1. Khẳng định nào sau đây là **đúng.**

**A.** Tia phân giác của một góc nằm ngoài góc đó.

**B.** Tia phân giác của góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc đó và tạo với hai cạnh ấy 2 góc bằng nhau.

**C.** Tia phân giác của một góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc đó và tạo với hai cạnh ấy hai góc không bằng nhau.

**D.** Tia phân giác của một góc là tia nằm giữa hai cạnh của góc đó.

**II.TỰ LUẬN: (7đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

1. a) Em hãy sắp xếp các số sau đây theo thứ tự tăng dần: 

b) Quan sát **hình 1**, Viết tên của 1 cặp góc đối đỉnh, 1 cặp góc kề bù, 1 cặp góc so le trong và 1 cặp góc đồng vị.

1. a) Tìm x biết: 2x – 6 = x + 8 ; 

b) Tính và viết kết quả các phép tính sau dưới dạng lũy thừa: 1604 : 804  **;** 

c) Quan sát **hình 2**, Hãy giải thích vì sao AD // BC rồi tính số đo của .

1. a) Cho **hình 3**, Biết AB = AC, BD = CD. Chứng minh rằng .

b) Tính 

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  **Môn: Toán 7 – Năm học: 2022 - 2023** |

**I.Trắc nghiệm:** Mỗi lựa chọn đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **C** | **D** | **B** | **C** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** | **B** |

**II.Tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 13** | a)kk Hs thực hiện quy đồng mẫu hoặc viết về dạng số thập phân rồi so sánh  Sắp xếp tăng dần dần: | 0,5đ  0,5đ |
| b) bbMỗi cặp góc viết đúng được 0,25 điểm. | 1đ |
| **Câu 14** | a)kkkkkx = 14 ; | 1đ |
| b) 1604 : 804 = 24 ; | 1đ |
| c) Vì AD AB ; BC AB nên AD // BC *(hoặc cặp góc đồng vị bằng nhau)*  Vì AD // BC nên | 0,5đ  0,5đ |
| **Câu 15** | 1. Chứng minh ∆BAD = ∆CAD (c.c.c)   Suy ra (Hai góc tương ứng) | 0,5đ  0,5đ |
|  | 1đ |

*(Lưu ý: Mọi cách giải khác nếu đúng đều cho điểm tối đa)*